

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VY
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Gia Đính;

Bà Vũ Thị Kim Dung.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố VY.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Hồng Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh
Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 05
tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX
ngày 14/3/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1987; trú tại: Khu phố B, xã
ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12;
dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông
Nguyễn Đức Th và bà Nguyễn Thị H (Vũ Thị H); vợ là Nguyễn Thị D và có 02
con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:
+ Tại Bản án số 29/2008/HSST ngày 20/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố
V, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Đức T06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và
06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, trị giá tài
sản trộm cắp có giá trị 10.000.000đ. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 12
tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 20/03/2008, thi
hành xong án phí hình sự, dân sự sơ thẩm ngày 02/8/2012; + Ngày 03/11/2009,
Ủy ban nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 4851/QĐ-CT về
việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối
với Nguyễn Đức T, thời hạn 24 tháng. Ngày 03/11/2011, T chấp hành xong
quyết định trở về địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày
06/12/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc đến nay (có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1974; trú tại: Thôn H, xã K, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; trú tại: Khu phố B, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/12/2018, Nguyễn Đức T một mình điều khiển xe máy BKS: 88L1-147.62 từ nhà đến Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Vĩnh Phúc, thuộc xã Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc để uống thuốc cai nghiện. Khi đến cổng Trung tâm, T gặp Tr (theo T khai người này tên Tr, sinh năm: 1988, nhà ở xã K, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, T không rõ họ, tên đệm). Tại đây, Tr rủ T góp tiền để mua ma túy Heroin sử dụng chung, T đồng ý và hẹn Tr ở khu vực ngã tư giao nhau giữa đường Phạm Văn Đồng và đường Nguyễn Tất Thành thuộc phường TS, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, T tiếp tục vào Trung tâm phòng chống HIV/AIDS để uống thuốc điều trị cai nghiện. Sau khi uống thuốc xong, T điều khiển xe máy BKS: 88L1-147.62 đến nơi đã hẹn gặp Tr. Khi gặp nhau, Tr đưa cho T số tiền 350.000đ, trong đó T mượn của Tr 200.000đ, còn 150.000đ là tiền Tr góp để mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó, T một mình điều khiển xe máy trên đến khu vực GG, ngõ 9, đường NQ, khu 10, phường Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc gặp và mua được của một người phụ nữ không quen biết 02 gói ma túy Heroin với giá 350.000đ. Mua được ma túy, T điều khiển xe máy quay lại ngã tư giao nhau giữa đường Phạm Văn Đồng và đường Nguyễn Tất Thành vẫy tay ra hiệu cho Tr đi theo để đi tìm nơi cùng sử dụng ma túy. Tr điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda, không biển kiểm soát, có số khung: RLHHC121XDY021905, số máy: HC12E5021822 đi theo sau T đến khu vực CL, thuộc xóm G, xã Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc thì bị Tổ công tác Công an thành phố VY kiểm tra hành chính, còn Tr lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy. Tổ công tác tiến hành thu giữ tại mặt đất cạnh vị trí T đứng 02 gói nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng (T khai là ma túy Heroin T vừa mua được với giá 350.000đ), được niêm phong ký hiệu A1; thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 cũ và 01 xe máy BKS: 88L1-147.62; thu giữ tại hiện Tr 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, không biển kiểm soát, số khung: RLHHC121XDY021905, số máy: HC12E5021822, T khai là xe của Tr bỏ lại khi bị Cơ quan Công an phát hiện.

Tại bản kết luận giám định số 1833/KL-GĐ ngày 12/12/2018 của Phòng kỹ hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroin. Khối lượng của mẫu

gửi giám định là 0,4898gam (không kể bao bì). Khối lượng Heroin trong 0,4898 gam mẫu là 0,2164gam. Hoàn lại mẫu vật còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: A1 = 0,2249gam và toàn bộ bao gói, được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”.

Cáo trạng số: 31/CT-VKSTPVY- VP ngày 04/32019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V khai: Bà là mẹ vợ của Nguyễn Đức T; chiếc xe máy BKS: 88L1-147.62 Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Đức T là xe của bà, đăng ký xe mang tên Trần Thị V. Nguyễn Đức T mượn xe của bà mục đích để đi xuống Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Vĩnh Phúc uống thuốc cai nghiện. Bà không biết việc T sử dụng xe máy trên đi mua ma túy sử dụng. Công an thành phố VY đã trả lại cho bà chiếc xe máy trên, bà đã nhận lại xe máy trên và không có ý kiến gì.

Chị Nguyễn Thị D khai: Chị là vợ bị cáo Nguyễn Đức T; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 mà Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Đức T là của chị, chị cho T mượn chiếc điện thoại trên làm phương tiện liên lạc. Công an thành phố VY đã trả lại cho chị chiếc điện thoại di động trên; chị đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm 03 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để giải quyết vật chứng của vụ án. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức T không bào chữa và tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đức T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với Biên bản sự việc; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ;

phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/12/2018 Tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy Công an thành phố VY làm nhiệm vụ tại khu vực CL, thuộc xóm G, xã Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện Nguyễn Đức T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Thu giữ của T 02 gói giấy nhỏ chứa 0,4898g chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroin, trọng lượng Heroin trong mẫu vật giám định là 0,2164g.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T như trên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy...thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ. Heroin là một trong số những chất ma túy gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước ta độc quyền quản lý, Nhà nước nghiêm cấm các hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ,...trái phép chất ma túy vì tính chất nguy hiểm, nghiêm trọng của nó. Tàng trữ trái phép chất ma túy là tiền đề để từ đó hành vi mua bán hay sử dụng trái phép chất ma túy được thực hiện, từ đó góp phần tạo nên những người nghiện ma túy. Nghiện ma túy làm con người bị lệ thuộc vào ma túy, nhiều khi không làm chủ được bản thân, kinh tế bị ảnh hưởng; nó là một trong những nguyên nhân gây lây nhiễm căn bệnh thể kỷ HIV, và từ đó có thể nảy sinh ra nhiều tệ nạn xã hội cũng như hành vi phạm tội khác như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ..., gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an T xã hội. Mặc dù, Nhà nước ta có những quy định để xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên hiện nay loại tội phạm này vẫn chưa giảm, mà diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi làm quần chúng nhân dân phần nộ, bất bình.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Đức T trực tiếp thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng; bản thân bị cáo đã 01 lần bị xét xử (tuy đã được xóa án tích), ngoài ra bị cáo đã bị xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không chịu khó tu dưỡng, cải tạo làm con người lương thiện làm ăn chân chính. Trong vụ án này, ngay sau khi được Tr rủ mua ma túy để sử dụng T đã đồng ý, góp tiền để mua ma túy để sử dụng chung. Bị cáo mắc vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy, đang uống thuốc cai nghiện), biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì nhu cầu sử dụng ma túy của mình vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết nào. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù nghiêm minh trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đại diện Đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người liên quan đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[3] Về đối tượng liên quan và vật chứng:

Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Nguyễn Đức T khai nhận: Ngày 06/12/2018, T cùng Tr góp 350.000đ, sau đó T mua được 02 gói ma túy Heroin của người phụ nữ không quen biết tại khu vực GG, ngõ 9, đường NQ, khu 10, phường Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc như trên. Khi đi đến khu vực CL, xóm G, xã Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Nguyễn Đức T tại khu vực GG, ngõ 9, đường NQ, khu 10, phường Đ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình điều tra T khai không biết người này là ai, ở đâu, chỉ nhớ đặc điểm khoảng 30 tuổi, da đen, dáng người thấp, béo. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại phường Đ về người phụ nữ có đặc điểm như trên nhưng không xác định được là ai. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý.

Đối với người nam giới Nguyễn Đức T khai tên Tr, sinh năm: 1988, ở xã K, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, có đặc điểm cao khoảng 1m70, dáng người đậm, tóc ngắn là người đưa tiền cho T đi mua ma túy để về sử dụng chung. T khai, trước đó T và Tr còn có một lần góp tiền mua ma túy để sử dụng chung nhưng T không nhớ thời gian cụ thể. Quá trình điều tra, xác minh tại xã K, huyện VT xác định không có đối tượng nào tên Tr, sinh năm: 1988 có đặc điểm như trên, ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý.

Đối với 01 chiếc xe máy BKS: 88L1-147.62 thu giữ của Nguyễn Đức T, qua điều tra xác định xe có đăng ký xe mang tên Trần Thị V, là xe của bà Trần Thị V (mẹ vợ của T). Ngày 06/12/2018, T mượn xe của bà V để đi xuống Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Vĩnh Phúc ở xã Đ, thành phố VY để uống thuốc cai

nghiện nên bà đồng ý. Bà V không biết việc T sử dụng xe máy BKS: 88L1-147.62 của bà để làm phương tiện đi mua ma túy sử dụng cho bản thân và bị bắt giữ. Ngày 23/02/2019, Công an thành phố VY đã trả lại cho bà Trần Thị V chiếc xe máy trên, bà V nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Đức T. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại này là của chị Nguyễn Thị D (vợ T). T mượn chiếc điện thoại trên của chị D để dùng làm phương tiện liên lạc với bạn bè, người thân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 23/02/2019, Công an thành phố VY đã trả lại cho chị Nguyễn Thị D chiếc điện thoại di động trên; chị D nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ, không có biển kiểm soát, có số khung: RLHHC121XDY021905, số máy: HC12E5021822 Cơ quan điều tra thu giữ khi kiểm tra, bắt giữ Nguyễn Đức T, T khai là xe của người nam giới tên Tr nêu trên. Khi T, Tr đi đến khu vực CL, xóm G, xã Đ, thành phố VY tìm nơi sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ được T, còn Tr bỏ chạy và bỏ lại chiếc xe máy này. Tiến hành tra cứu tại Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Vĩnh Phúc về chiếc xe máy có đặc điểm số khung, số máy như trên nhưng không tìm thấy dữ liệu tra cứu về chủ sở hữu của chiếc xe trên. Do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với số ma túy và toàn bộ bao gói còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

[5] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T: 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/12/2018.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,2249 gam ma túy Heroin cùng toàn bộ bao gói còn lại sau giám định.

(Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VY;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh